



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**  
Địa chỉ: Km 12 – Quốc lộ 32 – Phú Diễn – Từ Liêm – Hà Nội  
Tel: 04 – 37655510 Fax: 04 – 37655509  
Website: [www.hem.vn](http://www.hem.vn) Email: [dienco@hem.vn](mailto:dienco@hem.vn)

---

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011**

Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**  
**Năm báo cáo: 2011**

### **I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Những sự kiện quan trọng**

- Tiền thân của Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội là Nhà máy Chế tạo điện cơ, được thành lập ngày 15 tháng 01 năm 1961 và đặt trụ sở chính tại 44B Lý Thường Kiệt – phường Trần Hưng Đạo – Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội.
- Từ ngày 15 tháng 02 năm 1996 đổi tên thành Công ty Chế tạo điện cơ theo Quyết định số 502/QĐ-TCCB ngày 15 tháng 02 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.
- Theo Quyết định số 3110/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp ngày 27 tháng 12 năm 2001, Công ty đổi tên thành Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội và đặt trụ sở chính tại Km 12 – Quốc lộ 32 – xã Phú Diễn – huyện Từ Liêm – Tp. Hà Nội.
- Công ty được chuyển thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Chế tạo điện cơ Hà Nội từ ngày 31 tháng 12 năm 2004 với số vốn điều lệ là: 154.186.000.000 đồng.
- Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 3012/QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2009 trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Nhà nước một thành viên thành Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 0103038868 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 07 năm 2009 và thay đổi lần 1 ngày 13 tháng 01 năm 2010 với vốn điều lệ là 320.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi tỷ đồng).

#### **2. Quá trình phát triển**

##### **2.1. Ngành nghề kinh doanh:**

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy bơm, máy phát điện, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220 kV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

## 2.2. Tình hình hoạt động:

Kể từ ngày chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đến nay, công ty có bước tăng trưởng khá ổn định, có tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động có hiệu quả, tỷ lệ lợi nhuận vượt kế hoạch đặt ra, đời sống cán bộ công nhân viên được đảm bảo.

## 3. Định hướng phát triển

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, giữ vững thương hiệu và vị thế của nhà sản xuất thiết bị điện hàng đầu Việt Nam.
- Không ngừng đổi mới và phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh để tạo ra các sản phẩm mới, thị trường mới. Theo đó khai thác tối đa hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Trong năm 2011, HĐQT đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình trong phạm vi, quyền hạn quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể như sau:

#### - *Các phiên họp của HĐQT:*

Năm 2011, HĐQT đã tiến hành 7 phiên họp và thực hiện việc lấy ý kiến bằng văn bản để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty nói chung và cổ đông nói riêng. Trong đó, HĐQT đã ban hành 8 nghị quyết và 10 quyết định tập trung trong lĩnh vực quản lý phần vốn của Công ty tại các đơn vị thành viên, bổ nhiệm cán bộ, định hướng phát triển của Công ty.

Các cuộc họp HĐQT đều được trao đổi, bàn bạc dân chủ, thẳng thắn và có biên bản, nghị quyết sau phiên họp. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được giao cho Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện.

#### - *Công tác tổ chức bộ máy điều hành Công ty :*

Cơ cấu HĐQT hiện tại có 2 thành viên tham gia trong ban điều hành Công ty, do đó chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, phối hợp hoạt động được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với ban điều hành Công ty.

Căn cứ tình hình thực tế của hoạt động SXKD, tháng 01/2011, HĐQT đã bổ nhiệm thêm 01 Phó Tổng giám đốc để tăng cường cho công tác quản lý và điều hành hoạt động của Công ty.

#### - *Công tác chỉ đạo, giám sát Ban điều hành:*

HĐQT luôn theo dõi tình hình hoạt động của Công ty, kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011: được thể hiện trong Báo cáo của Ban điều hành.

Năm 2011, HĐQT đã giám sát Ban điều hành trong việc: Tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011; việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; và việc tổ chức, điều hành hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động, sáng tạo của Ban điều hành.

Với sự nỗ lực, cố gắng của Ban điều hành, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011 được thể hiện qua các chỉ tiêu tài chính trọng yếu đều đạt kế hoạch. Một số chỉ tiêu như: giá trị sản xuất công nghiệp, doanh thu, tổng đầu tư, thu nhập bình quân của người lao động đều có mức tăng trưởng so với thực hiện của năm 2010.

Hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì ổn định. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp đã có mức tăng trưởng so với thực hiện của năm 2010 là 3,55%, thu nhập bình quân của người lao động là 5.270.000 đ/người/tháng, tăng 18,35% so với năm 2010. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của công ty HEM đã được giữ vững và mở rộng trong phạm vi cả nước. Việc làm, đời sống và thu nhập của người lao động đã được duy trì tương đối ổn định trong bối cảnh nền kinh tế đặc biệt khó khăn như hiện nay. Điều này càng minh chứng cho sự nỗ lực tập trung từ cơ quan quản lý, ban điều hành đến tập thể CBCNV công ty HEM trong năm qua.

**- Công tác đầu tư, quản lý và sử dụng vốn, tài sản**

Trong năm 2011 Công ty tập trung cho việc đầu tư các thiết bị công nghệ với tổng giá trị: 1.989.061.606 đ, đảm bảo đầu tư đúng hướng, nâng cao năng suất lao động, đáp ứng thiết thực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Công tác đầu tư vốn ra bên ngoài mang lại hiệu quả. Năm 2011, các công ty con và công ty liên kết đều hoạt động có hiệu quả, lợi nhuận được chia về Công ty năm 2011 đạt 29.043.787.200 đồng.

**2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Với sự nỗ lực của HĐQT và Ban điều hành nên trong năm 2011 dù vẫn còn bị ảnh hưởng của suy giảm kinh tế nhưng bằng những giải pháp điều hành hiệu quả về tài chính nên mục tiêu lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức của Công ty đã thực hiện đạt kế hoạch được đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 thông qua. Cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011		So sánh TH/KH
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng doanh thu	Đồng	315.000.000.000	316.453.252.608	100,46%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	"	40.000.000.000	41.390.674.873	103,48%
3	Chi trả cổ tức	%/năm	12	12	100,00%
4	Thu nhập bình quân	Đ/ng/th	5.000.000	5.270.000	105,40%

**3. Những thay đổi chủ yếu trong năm**

- Căn cứ tình hình thực tế của hoạt động SXKD, tháng 01/2011, HĐQT đã bổ nhiệm thêm 01 Phó Tổng giám đốc để tăng cường cho công tác quản lý và điều hành hoạt động của Công ty.
- Với chiến lược xúc tiến thương mại, phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm ra ngoài phạm vi quốc gia, Công ty đã thực hiện đầu tư tại Campuchia thông qua việc góp vốn vào Công ty cổ phần GELEX – Cambodia với tỷ lệ nắm giữ là 34%/Vốn điều lệ của Công ty này.

#### **4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai**

- Từng bước cơ cấu lại các nguồn vốn đầu tư ra bên ngoài để đảm bảo tính hiệu quả trong việc đầu tư Tài chính
- Tăng cường công tác quản trị, giám sát; đồng thời nâng cao năng lực hoạt động thông qua việc nâng cao năng lực công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực, để đảm bảo mục tiêu hoạt động do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Trong năm 2012, HĐQT cùng với Ban điều hành Công ty tiếp tục nỗ lực hết mình trong định hướng chiến lược phát triển, đảm bảo sản xuất ổn định, đạt độ an toàn và hiệu quả cao nhất cho đồng vốn đầu tư của các cổ đông.

### **III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá chung tình hình hoạt động SXKD năm 2011 của Công ty**

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tổ chức thực hiện các mục tiêu của SXKD trong bối cảnh năm 2011 với những đặc điểm chính như sau:

##### **1.1 Thuận lợi:**

- Sản phẩm của công ty có được sự tín nhiệm trên thị trường. Thị trường động cơ điện vẫn được giữ vững ở những địa bàn trọng điểm tạo sự phát triển ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty duy trì được nhịp độ sản xuất tạo được công ăn việc làm và thu nhập cho cán bộ công nhân viên. Theo đó thương hiệu HEM của Công ty có chỗ đứng vững chắc trên thị trường.
- Công ty vẫn duy trì tốt mối quan hệ, hợp tác với các khách hàng trong các ngành sản xuất công nghiệp nên đã ký được nhiều hợp đồng, dự án mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
- Tập thể CBCNV luôn đoàn kết, gắn bó, tin cậy lẫn nhau với mục tiêu chung vì sự phát triển của Công ty.

##### **1.2 Khó khăn:**

- Tất cả các sản phẩm và dịch vụ của Công ty đều chịu sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường, chẳng những cạnh tranh về chất lượng mà còn hết sức khốc liệt trong cạnh tranh về giá bán. Một số chủng loại sản phẩm động cơ có nguồn gốc từ nước ngoài dưới dạng cũ hoặc mới được nhập vào thị trường nội địa thông qua nhiều nguồn, đang cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm của Công ty.
- Mặt khác, mức độ lạm phát của năm 2011 tăng cao kỷ lục, lên tới 18,58%. Trong khi đó, giá cả các loại vật tư, nguyên nhiên vật liệu là đầu vào của sản xuất đều tăng mạnh và diễn biến phức tạp. Đồng thời chính sách kiểm soát thắt chặt tiền tệ và tín dụng của Nhà nước dẫn tới lãi suất cho vay của ngân hàng cũng như tỷ giá giữa ngoại tệ và VNĐ tăng cao và đầy biến động, đã khiến cho nền kinh tế nói chung, trong đó có thị trường các sản phẩm động cơ, máy biến áp của công ty trở nên bế tắc về vốn, càng về cuối năm càng trở nên nặng nề, tương chừng khó vượt qua.

**2. Báo cáo tình hình tài chính:**

STT	CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ (31/12/2011)	Số đầu kỳ (01/01/2011)
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b><u>165.062.703.980</u></b>	<b><u>162.560.453.652</u></b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	42.050.088.446	27.625.233.266
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		2.500.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	86.152.439.094	82.698.127.416
4	Hàng tồn kho	34.509.342.240	48.887.686.249
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.350.834.200	849.406.721
<b>II</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b><u>320.730.410.435</u></b>	<b><u>313.847.284.740</u></b>
1	Tài sản cố định	53.034.000.827	58.068.568.256
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	263.832.207.421	250.959.935.421
3	Tài sản dài hạn khác	3.864.202.187	4.818.781.063
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b><u>485.793.114.415</u></b>	<b><u>476.407.738.392</u></b>
<b>III</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b><u>119.313.286.212</u></b>	<b><u>118.252.564.739</u></b>
1	Nợ ngắn hạn	118.979.286.212	117.942.564.739
2	Nợ dài hạn	334.000.000	310.000.000
<b>IV</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b><u>366.479.828.203</u></b>	<b><u>358.155.173.653</u></b>
1	Vốn chủ sở hữu	365.708.282.407	357.265.999.285
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	771.545.796	889.174.368
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b><u>485.793.114.415</u></b>	<b><u>476.407.738.392</u></b>
<b>V</b>	<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
<b>1</b>	<b>Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ</b>	<b>316.878.405.804</b>	<b>251.233.376.353</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	425.153.196	195.048.080
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp</b>	<b>316.453.252.608</b>	<b>251.038.328.273</b>
4	Giá vốn hàng bán	256.958.043.768	201.195.636.242
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp d</b>	<b>59.495.208.840</b>	<b>49.842.692.031</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	33.269.177.020	26.502.294.018
7	Chi phí tài chính	6.858.625.715	5.964.281.895
8	Chi phí bán hàng	19.785.741.211	17.076.272.812
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.723.232.185	14.729.990.012
<b>10</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>45.396.786.749</b>	<b>38.574.441.330</b>
11	Thu nhập khác	353.920.985	1.146.040.734
12	Chi phí khác	196.015.622	329.812.008
<b>13</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>157.905.363</b>	<b>816.228.726</b>
<b>14</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>45.554.692.112</b>	<b>39.390.670.056</b>
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.164.017.239	4.383.147.149
<b>16</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệ</b>	<b>41.390.674.873</b>	<b>35.007.522.907</b>
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,293	1,094

VI.	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2010
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		66,0%	65,9%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		34,0%	34,1%
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		24,6%	24,8%
	- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn		75,4%	75,2%
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		1,10	0,96
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1,39	1,38
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>	%		
	- Tỷ suất LNST/Tổng tài sản		8,5%	7,3%
	- Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần		13,1%	13,9%
	- Tỷ suất LNST/vốn đầu tư của CSH		12,9%	10,9%

Với kết quả thực hiện như trên, các chỉ tiêu chính của hoạt động SXKD đã đạt và vượt mức kế hoạch đề ra.

### **3. Đánh giá một số mặt hoạt động trong sản xuất kinh doanh :**

#### **3.1 Công tác Kinh doanh**

- Đã có nhiều nỗ lực trong công tác thị trường, công tác đấu thầu các dự án nên đã góp phần vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Đội ngũ cán bộ kinh doanh được bổ sung và ngày càng trưởng thành, nhiệt tình với công việc, trách nhiệm với công ty, năng động trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Đã từng bước kiện toàn hệ thống tiêu thụ sản phẩm, đồng thời xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt. Qua đó tạo dựng mối quan hệ khăng khít, gắn bó và chia sẻ giữa nhà sản xuất và hệ thống tiêu thụ sản phẩm.
- Thực hiện đa dạng hoá sản phẩm, năm 2011 đã sản xuất và tiêu thụ được sản phẩm là máy biến dòng hạ thế phục vụ thị trường điện lực và xây lắp.

#### **3.2 Công tác Tài chính**

- Nhận thức được những áp lực về vốn, lợi nhuận và cổ tức, công tác tài chính đã có những chuyển biến rõ rệt. Năm 2011 đã tiến hành phân tích hiệu quả hoạt động SXKD hàng tháng, hàng quý cho từng ngành hàng để kịp thời tư vấn cho Ban Tổng giám đốc trong điều hành sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn.
- Công tác tính giá thành luôn được quan tâm một cách kịp thời và chính xác, theo sát được những biến động của thị trường.
- Để quản lý tốt phần vốn của Công ty đầu tư vào 04 Công ty con, công tác đào tạo nhân sự đã được chú trọng. Kết quả là các cán bộ, nhân viên của phòng Tài chính kế toán đã tham gia vào các Ban kiểm soát các công ty con và làm tốt vai trò kiểm soát đảm bảo hiệu quả các nguồn vốn đầu tư ra bên ngoài.

### **3.3 Công tác Kỹ thuật**

- Trong năm 2011, công tác kỹ thuật thực sự đã trở thành một nguồn lực quan trọng tạo ra giá trị gia tăng mới cho các sản phẩm và dịch vụ thông qua việc thiết kế sản phẩm mới, nâng cao một bước trình độ công nghệ chế tạo động cơ và máy biến áp, nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần giảm chi phí sản xuất và giá thành.
- Công ty từng bước xây dựng, đào tạo được đội ngũ chuyên gia giỏi, có khả năng làm chủ và sử dụng thành thạo các thiết bị có trình độ tự động hóa cao.
- Đặc biệt, với tư cách là nhà cung cấp dịch vụ độc quyền tại Việt Nam của Tập đoàn Thiết bị điện ALSANDO - Cộng hòa Italia, Công ty đã cử đoàn cán bộ, kỹ sư sang học tập nâng cao tay nghề tại Italia. Qua đó, nâng cao năng lực của đội ngũ kỹ thuật, nâng cao vị thế của thương hiệu HEM trong lĩnh vực sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì các thiết bị điện công suất lớn cho các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

### **3.4 Công tác đầu tư nâng cao năng lực sản xuất:**

- Trong năm 2011, nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động, Công ty đã đầu tư 1.989.061.606, đồng để mua sắm và nâng cấp một số máy móc, thiết bị.
- Công tác đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất của Công ty trong năm qua là đúng hướng và thực sự phát huy hiệu quả.

### **3.5 Công tác đầu tư vốn ra ngoài Công ty:**

- Các đơn vị có vốn đầu tư của Công ty đều hoạt động tốt, sản xuất kinh doanh ổn định. Cổ tức trả về Công ty đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.
- Năm 2011, Công ty đầu tư vào Campuchia thông qua việc góp vốn vào Công ty GELEX-CAMBODIA với tổng số vốn điều lệ đăng ký là 1.500.000 USD - đây là Công ty chuyên kinh doanh các sản phẩm thiết bị điện của Việt Nam tại thị trường Campuchia. Hiện nay, GELEX - CAMBODIA đang trong giai đoạn xúc tiến thương mại, thiết lập các đối tác với kết quả ban đầu khá khả quan.

### **3.6 Các mặt công tác khác:**

Ban điều hành đã triển khai thực hiện tốt theo quy định hiện hành của Nhà nước và quy chế của Công ty đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho cổ đông và người lao động.

## **4. Cổ phiếu, cổ tức**

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:  
Cổ phiếu phổ thông: 32.000.000 cổ phiếu  
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Cổ tức chi trả: 1.200 đồng/cổ phiếu

#### **5. Những tiến bộ công ty đã đạt được**

- Các quy trình sản xuất được hợp lý hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm.
- Thiết kế một số sản phẩm mới, điều chỉnh các loại định mức kỹ thuật cho phù hợp. Tiết kiệm triệt để những chi phí không cần thiết.
- Hệ thống tiêu thụ sản phẩm đã được từng bước kiện toàn, đồng thời xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt. Qua đó tạo dựng mối quan hệ khăng khít, gắn bó và chia sẻ giữa nhà sản xuất và hệ thống tiêu thụ sản phẩm.

#### **IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ Ý KIẾN CỦA CÔNG TY KIỂM TOÁN**

**(Có báo cáo kiểm toán kèm theo)**





Số: 68 /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội được lập ngày 10 tháng 02 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

**Lê Đức Minh**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 1628/KTV

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

**Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
đã được kiểm toán**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

---

## **NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-27
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-27

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

##### **Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	Giữ chức chủ tịch từ ngày 29/04/2011
Ông Nguyễn Kiến Thiết	Ủy viên	Thôi chức chủ tịch từ ngày 29/04/2011
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Ủy viên	
Ông Phạm Mạnh Hà	Ủy viên	

##### **Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Phạm Mạnh Hà	Tổng giám đốc
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng giám đốc
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Anh Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Hoàng Anh Dũng	Phó Tổng giám đốc

##### **Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

Bà Dương Việt Nga	Trưởng ban
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

---

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

---

**Phạm Mạnh Hà**

Tổng Giám đốc

*Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012*

Số: /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội được lập ngày 10 tháng 02 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

---

**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

---

**Lê Đức Minh**

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1628/KTV

*Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2012*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>165.062.703.980</b>	<b>162.560.453.652</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>42.050.088.446</b>	<b>27.625.233.266</b>
111	1. Tiền		1.325.088.446	1.625.233.266
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.725.000.000	26.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>2.500.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	2.500.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>86.152.439.094</b>	<b>82.698.127.416</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		62.100.737.772	68.129.978.065
132	2. Trả trước cho người bán		2.926.577.700	1.244.255.583
135	5. Các khoản phải thu khác	4	23.844.970.179	13.323.893.768
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.719.846.557)	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>5</b>	<b>34.509.342.240</b>	<b>48.887.686.249</b>
141	1. Hàng tồn kho		34.509.342.240	48.887.686.249
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.350.834.200</b>	<b>849.406.721</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		125.380.700	82.128.300
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	990.616.500	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	1.234.837.000	767.278.421
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>320.730.410.435</b>	<b>313.847.284.740</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>53.034.000.827</b>	<b>58.068.568.256</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	52.846.891.017	57.151.881.019
222	- Nguyên giá		100.779.336.036	99.694.148.901
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(47.932.445.019)	(42.542.267.882)
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	1.000.000
228	- Nguyên giá		18.000.000	18.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.000.000)	(17.000.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		187.109.810	915.687.237
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>263.832.207.421</b>	<b>250.959.935.421</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		49.670.012.312	36.797.740.312
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		214.162.195.109	214.162.195.109
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.864.202.187</b>	<b>4.818.781.063</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.864.202.187	4.818.781.063
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>485.793.114.415</b>	<b>476.407.738.392</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>119.313.286.212</b>	<b>118.252.564.739</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>118.979.286.212</b>	<b>117.942.564.739</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	39.607.200.000	50.376.862.617
312	2. Phải trả người bán		20.556.627.417	11.663.852.391
313	3. Người mua trả tiền trước		4.403.759.664	8.949.297.688
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	3.423.567.154	2.581.246.484
315	5. Phải trả người lao động		1.419.099.684	255.950.757
316	6. Chi phí phải trả	13	2.661.584.609	452.142.338
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	40.380.703.208	40.497.398.283
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		5.232.394.892	1.902.993.961
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.294.349.584	1.262.820.220
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>334.000.000</b>	<b>310.000.000</b>
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		334.000.000	310.000.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>366.479.828.203</b>	<b>358.155.173.653</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>365.708.282.407</b>	<b>357.265.999.285</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		320.000.000.000	320.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.510.470	2.510.470
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		1.222.118	(386.131)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		100.042.131	100.042.131
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		450.000.000	150.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		45.154.507.688	37.013.832.815
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>771.545.796</b>	<b>889.174.368</b>
432	1. Nguồn kinh phí		(29.000.000)	(29.000.000)
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		800.545.796	918.174.368
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>485.793.114.415</b>	<b>476.407.738.392</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.813.793.877	3.825.930.046
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		318,08	2.085,95

---

**Nguyễn Thị Thanh Mai**  
Kế toán trưởng

---

**Phạm Mạnh Hà**  
Tổng Giám đốc

*Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	316.878.405.804	251.233.376.353
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	425.153.196	195.048.080
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	316.453.252.608	251.038.328.273
11	4. Giá vốn hàng bán	19	256.958.043.768	201.195.636.242
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		59.495.208.840	49.842.692.031
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	33.269.177.020	26.502.294.018
22	7. Chi phí tài chính	21	6.858.625.715	5.964.281.895
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.314.578.234	5.164.511.108
24	8. Chi phí bán hàng	22	19.785.741.211	17.076.272.812
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	20.723.232.185	14.729.990.012
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		45.396.786.749	38.574.441.330
31	11. Thu nhập khác		353.920.985	1.146.040.734
32	12. Chi phí khác		196.015.622	329.812.008
40	13. Lợi nhuận khác		157.905.363	816.228.726
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		45.554.692.112	39.390.670.056
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	4.164.017.239	4.383.147.149
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>41.390.674.873</u>	<u>35.007.522.907</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.293	1.094

Nguyễn Thị Thanh Mai  
Kế toán trưởngPhạm Mạnh Hà  
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		351.947.311.216	275.475.611.636
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(259.083.719.788)	(210.172.562.074)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(26.035.080.889)	(19.369.280.576)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(4.045.576.683)	(5.194.776.505)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.048.466.489)	(4.514.266.931)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.871.229.013	4.230.054.249
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.585.760.843)	(28.000.481.238)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>45.019.935.537</b>	<b>12.454.298.561</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.012.125.644)	(9.238.884.666)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		340.811.816	414.909.091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(9.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.500.000.000	7.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.872.272.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.932.400.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.216.945.970	18.628.175.332
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>12.173.360.142</b>	<b>12.736.599.757</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		41.641.706.570	115.126.328.115
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(52.411.369.187)	(103.795.214.798)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(32.000.000.000)	(12.800.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(42.769.662.617)</b>	<b>(1.468.886.683)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>14.423.633.062</b>	<b>23.722.011.635</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		27.625.233.266	3.903.607.762
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.222.118	(386.131)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>42.050.088.446</u>	<u>27.625.233.266</u>

---

**Nguyễn Thị Thanh Mai**  
Kế toán trưởng

---

**Phạm Mạnh Hà**  
Tổng Giám đốc*Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

**1 . THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

#####

Trụ sở chính của Công ty tại: Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 320.000.000.000 VND. Tương đương 32.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

**Công ty có các công ty con sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Số 37, Đại lộ Hồ Chí Minh, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	KCN Lê Minh Xuân, Quận Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh
- Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội	Xóm 6, Xã Đông Ngạc, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội

**Công ty có các công ty liên kết sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH SAS-CTAMAD	Số 44B, Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 12 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

**Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" thì các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Nếu Công ty hạch toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì toàn bộ khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 1.222.118 đồng sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2011.

**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Các khoản thuế***Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	122.947.551	128.647.753
Tiền gửi ngân hàng	1.202.140.895	1.496.585.513
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	40.725.000.000	26.000.000.000
	<b>42.050.088.446</b>	<b>27.625.233.266</b>

**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	23.133.787.200	13.176.743.400
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	2.262.962
Phải thu khác	711.182.979	144.887.406
	<b>23.844.970.179</b>	<b>13.323.893.768</b>

**5 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.879.455.043	18.558.951.114
Công cụ, dụng cụ	406.832.203	429.180.366
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.503.148.765	3.184.337.593
Thành phẩm	21.715.473.953	24.335.501.712
Hàng hoá	2.004.432.276	2.379.715.464
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>34.509.342.240</b>	<b>48.887.686.249</b>

**6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	990.616.500	-
	<b>990.616.500</b>	<b>-</b>

**7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	1.234.837.000	657.211.060
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	110.067.361
	<b>1.234.837.000</b>	<b>767.278.421</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>49.670.012.312</b>	<b>36.797.740.312</b>
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	10.277.743.006	10.277.743.006
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	27.123.525.000	14.251.253.000
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội	2.643.853.085	2.643.853.085
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	9.624.891.221	9.624.891.221
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>214.162.195.109</b>	<b>214.162.195.109</b>
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	214.162.195.109	214.162.195.109
	<b>263.832.207.421</b>	<b>250.959.935.421</b>

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	70,02%	70,02%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	65,02%	65,02%	Sản xuất và kinh doanh máy bơm các loại
Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51,35%	51,35%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.818.781.063	4.746.391.566
Số tăng trong năm	629.850.079	1.514.397.118
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(1.584.428.955)	(1.442.007.621)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.864.202.187</b>	<b>4.818.781.063</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	2.864.827.704	3.269.273.967
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	696.350.800	1.112.446.125
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	303.023.683	437.060.971
	<b>3.864.202.187</b>	<b>4.818.781.063</b>

**11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>39.607.200.000</b>	<b>50.376.862.617</b>
- Vay ngân hàng	-	13.670.862.617
- Vay tổ chức khác	31.402.200.000	28.880.000.000
- Vay cá nhân	8.205.000.000	7.826.000.000
	<b>39.607.200.000</b>	<b>50.376.862.617</b>

**Chi tiết vay ngắn hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hà Nội	-	1.224.577.769
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	-	12.446.284.848
Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam <sup>(1)</sup>	31.072.200.000	20.000.000.000
Trường Cao đẳng công nghệ Hà Nội	200.000.000	8.780.000.000
Công đoàn Công ty	130.000.000	100.000.000
Cán bộ công nhân viên <sup>(2)</sup>	8.205.000.000	7.826.000.000
	<b>39.607.200.000</b>	<b>50.376.862.617</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

(1) Hợp đồng vay vốn số 016/2009/HĐVV/TBĐVN-CTAMAD ngày 08/01/2009, hợp đồng vay vốn số 012/2009/HĐVV/TBĐVN-CTAMAD ngày 19/10/2009 và các phụ lục gia hạn hợp đồng, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay là 20 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 31/03/2012;
- + Lãi suất cho vay: 14%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp
- + Dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2011 là 20.000.000.000 đồng

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)**

Hợp đồng vay vốn số 01/2011/HĐVV/TBĐVN-HEM ngày 06/04/2011 và các phụ lục, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay là 16.072.200.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 31/03/2012;
- + Lãi suất cho vay: 14%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo
- + Dự nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2011 là 11.072.200.000 đồng

(2) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2.052.896.350	411.713.998
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	29.531.402	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.153.760.243	2.038.209.493
Thuế Thu nhập cá nhân	187.379.159	131.322.993
	<b><u>3.423.567.154</u></b>	<b><u>2.581.246.484</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	2.612.698.109	343.696.558
Trích trước chi phí phải trả khác	48.886.500	108.445.780
	<b><u>2.661.584.609</u></b>	<b><u>452.142.338</u></b>

**14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	220.000.000	30.000.000
Bảo hiểm xã hội	2.566.991	-
Phải trả về cổ phần hoá	35.208.570.992	35.208.570.992
Phải trả, phải nộp khác	4.949.565.225	5.258.827.291
	<b><u>40.380.703.208</u></b>	<b><u>40.497.398.283</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 26 tháng 03 năm 2011, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2010	100,00%	35.007.522.907
Trích Quỹ dự phòng tài chính	0,86%	300.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,00%	700.000.000
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	0,71%	250.000.000
Chi trả cổ tức bằng 10% vốn điều lệ (đã chi trả trong năm 2011)	91,41%	32.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	5,02%	1.757.522.907

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	81,48%	260.722.000.000	81,48%	260.722.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	18,52%	59.278.000.000	18,52%	59.278.000.000
	<b>100%</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>320.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	320.000.000.000	320.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	320.000.000.000	320.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	320.000.000.000	320.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	32.000.000.000	12.800.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	32.000.000.000	12.800.000.000

**d) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.000.000	32.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.000.000	32.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.000.000	32.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.000.000	32.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.000.000	32.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Quỹ đầu tư phát triển	100.042.131	100.042.131
Quỹ dự phòng tài chính	450.000.000	150.000.000
	<b>550.042.131</b>	<b>250.042.131</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	194.139.062.100	188.052.323.151
Doanh thu bán hàng hóa	85.974.923.728	17.620.966.612
Doanh thu dịch vụ sửa chữa	35.652.559.976	44.526.436.590
Doanh thu khác	1.111.860.000	1.033.650.000
	<b><u>316.878.405.804</u></b>	<b><u>251.233.376.353</u></b>

**17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	425.153.196	195.048.080
	<b><u>425.153.196</u></b>	<b><u>195.048.080</u></b>

**18 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	193.713.908.904	187.857.275.071
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	85.974.923.728	17.620.966.612
Doanh thu thuần về dịch vụ sửa chữa	35.652.559.976	44.526.436.590
Doanh thu thuần khác	1.111.860.000	1.033.650.000
	<b><u>316.453.252.608</u></b>	<b><u>251.038.328.273</u></b>

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	150.181.175.784	150.284.788.414
Giá vốn của hàng hóa đã bán	76.484.996.360	16.440.651.937
Giá vốn của dịch vụ sửa chữa	30.291.871.624	34.470.195.891
	<b><u>256.958.043.768</u></b>	<b><u>201.195.636.242</u></b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	4.130.202.570	1.364.886.664
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	2.466.200.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.043.787.200	22.541.521.527
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	95.187.250	15.549.277
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	114.136.550
	<b><u>33.269.177.020</u></b>	<b><u>26.502.294.018</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.314.578.234	5.164.511.108
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	544.047.481	799.770.787
	<b><u>6.858.625.715</u></b>	<b><u>5.964.281.895</u></b>

**22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	977.930.490	607.825.103
Chi phí nhân công	1.362.792.507	733.183.748
Chi phí khấu hao tài sản cố định	188.942.821	179.509.501
Chi phí bảo hành	3.490.222.336	2.096.842.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.508.955.224	1.401.205.313
Chi phí khác bằng tiền	11.256.897.833	12.057.706.580
	<b><u>19.785.741.211</u></b>	<b><u>17.076.272.812</u></b>

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.511.185.963	1.907.353.916
Chi phí nhân công	8.724.493.978	6.661.101.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.138.582.558	952.949.731
Thuế, phí, lệ phí	25.209.000	37.894.250
Chi phí dự phòng	2.719.846.557	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.910.902.817	1.092.046.407
Chi phí khác bằng tiền	4.693.011.312	4.078.644.324
	<b><u>20.723.232.185</u></b>	<b><u>14.729.990.012</u></b>

**24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.554.692.112	39.390.670.056
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(28.898.623.155)	(21.858.081.462)
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý, hợp lệ)	145.164.045	3.724.735.050
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(29.043.787.200)	(25.582.816.512)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	16.656.068.957	17.532.588.594
Tổng lợi nhuận tính thuế	16.656.068.957	17.532.588.594
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.164.017.239</b>	<b>4.383.147.149</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.038.209.493	2.169.329.275
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.048.466.489)	(4.514.266.931)
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>1.153.760.243</b>	<b>2.038.209.493</b>

**25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	41.390.674.873	35.007.522.907
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	41.390.674.873	35.007.522.907
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	32.000.000	32.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.293</b>	<b>1.094</b>

**26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
		VND	VND
<b>Góp vốn vào công ty</b>			
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	Công ty con	12.872.272.000	-
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	8.221.548.860	28.440.996.640
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Công ty con	19.769.418.176	15.542.596.530
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	Công ty con	38.254.001.198	21.739.965.004
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội	Công ty con	372.817.700	1.106.663.957
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	-	251.227.600
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	53.040.677.619	5.927.244.545
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Công ty con	5.599.580.620	3.072.559.390
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	Công ty con	2.722.758.584	666.422.230
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội	Công ty con	18.917.839.804	18.451.871.396
<b>Vay vốn</b>			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	16.072.200.000	-
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	2.606.000.000	9.430.000.000
<b>Lãi vay vốn</b>			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	4.431.571.620	3.514.999.670
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	320.695.100	154.255.800
<b>Cổ tức lợi nhuận được chia</b>			
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Công ty con	1.456.371.200	1.092.278.400
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	Công ty con	3.587.516.000	2.185.775.000
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội	Công ty con	382.500.000	357.000.000
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	1.805.000.000	1.615.000.000
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Công ty liên kết	21.812.400.000	16.843.068.127

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>Phải thu tiền hàng</b>			
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Công ty con	5.637.076.664	2.153.570.119
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	Công ty con	17.867.728.233	2.160.052.917
<b>Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia</b>			
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Công ty con	1.456.371.200	1.092.278.400
- Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	Công ty con	3.587.516.000	1.311.465.000
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội	Công ty con	382.500.000	357.000.000
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	1.045.000.000	950.000.000
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Công ty liên kết	16.662.400.000	9.466.000.000
<b>Phải thu khác</b>			
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	10.180.273
<b>Phải trả tiền hàng</b>			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	4.139.817.869	108.108.460
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội	Công ty con	2.049.326.016	1.875.054.568
<b>Phải trả gốc và lãi vay</b>			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	31.072.200.000	20.000.000.000
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	200.000.000	8.780.000.000
<b>Phải trả khác</b>			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	35.208.570.992	35.208.570.992

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

---

**Nguyễn Thị Thanh Mai**  
 Kế toán trưởng

---

**Phạm Mạnh Hà**  
 Tổng Giám đốc

*Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>36.222.265.343</b>	<b>51.690.067.994</b>	<b>10.175.651.164</b>	<b>1.606.164.400</b>	-	<b>99.694.148.901</b>
<b>Số tăng trong năm</b>	<b>1.064.068.182</b>	<b>765.405.151</b>	<b>111.500.000</b>	<b>48.088.273</b>	-	<b>1.989.061.606</b>
- Mua sắm mới	-	396.367.500	-	48.088.273	-	444.455.773
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.064.068.182	325.247.651	-	-	-	1.389.315.833
- Nâng cấp cải tạo	-	43.790.000	111.500.000	-	-	155.290.000
<b>Số giảm trong năm</b>	-	<b>(862.844.408)</b>	<b>(41.030.063)</b>	-	-	<b>(903.874.471)</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	(862.844.408)	(41.030.063)	-	-	(903.874.471)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>37.286.333.525</b>	<b>51.592.628.737</b>	<b>10.246.121.101</b>	<b>1.654.252.673</b>	-	<b>100.779.336.036</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>13.595.250.983</b>	<b>24.021.215.966</b>	<b>4.128.944.967</b>	<b>796.855.966</b>	-	<b>42.542.267.882</b>
<b>Số tăng trong năm</b>	<b>1.078.975.922</b>	<b>3.872.317.413</b>	<b>942.470.131</b>	<b>244.158.457</b>	-	<b>6.137.921.923</b>
- Trích khấu hao	1.078.975.922	3.872.317.413	942.470.131	244.158.457	-	6.137.921.923
<b>Số giảm trong năm</b>	-	<b>(747.060.952)</b>	<b>(683.834)</b>	-	-	<b>(747.744.786)</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	(747.060.952)	(683.834)	-	-	(747.744.786)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.674.226.905</b>	<b>27.146.472.427</b>	<b>5.070.731.264</b>	<b>1.041.014.423</b>	-	<b>47.932.445.019</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>22.627.014.360</b>	<b>27.668.852.028</b>	<b>6.046.706.197</b>	<b>809.308.434</b>	-	<b>57.151.881.019</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.612.106.620</b>	<b>24.446.156.310</b>	<b>5.175.389.837</b>	<b>613.238.250</b>	-	<b>52.846.891.017</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI**Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,  
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>2.510.470</b>	<b>(5.971.432)</b>	-	-	<b>15.056.352.039</b>	<b>335.052.891.077</b>
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	35.007.522.907	35.007.522.907
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	100.042.131	150.000.000	(250.042.131)	-
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(12.800.000.000)	(12.800.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	5.971.432	-	-	-	5.971.432
Giảm khác	-	-	(386.131)	-	-	-	(386.131)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>2.510.470</b>	<b>(386.131)</b>	<b>100.042.131</b>	<b>150.000.000</b>	<b>37.013.832.815</b>	<b>357.265.999.285</b>
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	41.390.674.873	41.390.674.873
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	300.000.000	(1.250.000.000)	(950.000.000)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(32.000.000.000)	(32.000.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	386.131	-	-	-	386.131
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	1.222.118	-	-	-	1.222.118
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>320.000.000.000</b>	<b>2.510.470</b>	<b>1.222.118</b>	<b>100.042.131</b>	<b>450.000.000</b>	<b>45.154.507.688</b>	<b>365.708.282.407</b>

## V. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

### 1. Các công ty con:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
- Công ty CP Chế tạo bom Hải Dương	65,02%
- Công ty CP Điện cơ Hà Nội	70,02%
- Công ty CP Cơ điện Hà Nội	51,00%
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	51,35%

Năm 2011 các công ty con đã hoàn thành đạt và vượt mức kế hoạch với kết quả cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>
Công ty CP Chế tạo bom Hải Dương	151.193.203.267	11.024.449.633
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	58.159.319.269	3.309.528.112
Công ty CP Cơ điện Hà Nội	27.580.929.928	1.204.771.878
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	15.156.803.870	4.283.004.148

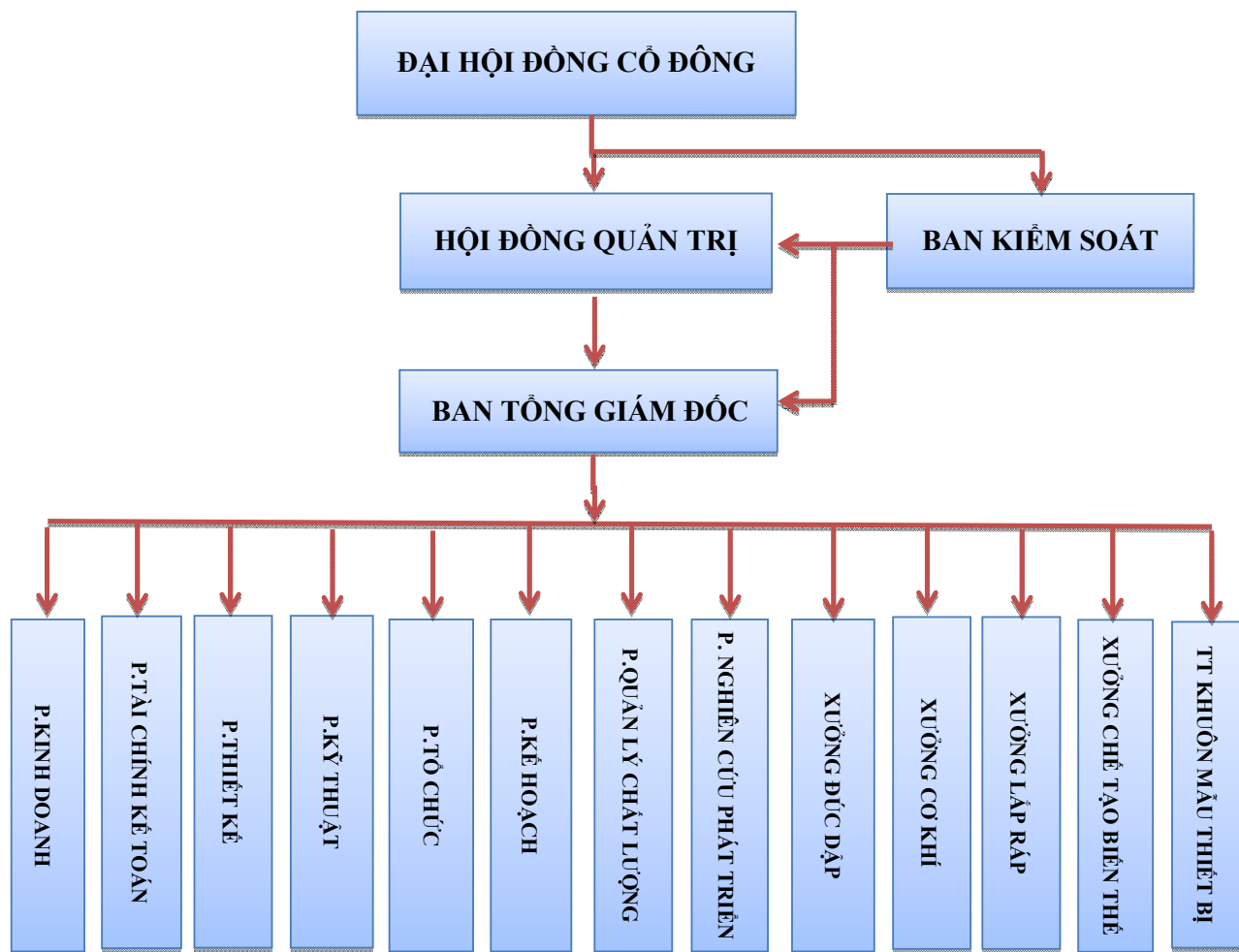
### 2. Công ty liên kết

- Công ty TNHH SAS-CTAMAD trụ sở tại 44B Lý Thường Kiệt – Hà Nội, kinh doanh khách sạn 5 sao và văn phòng cao cấp. Công ty cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội nắm giữ 35% vốn điều lệ. Trong năm 2011, Công ty hoạt động đạt hiệu quả cao, doanh thu đạt 20.575.750 USD và lợi nhuận trước thuế TNDN là 10.287.746 USD. Tuy nhiên bên cạnh việc phân chia lợi nhuận cho các bên góp vốn, Công ty vẫn phải sử dụng một phần lợi nhuận để tái đầu tư, nâng cấp khách sạn sau 10 năm hoạt động.
- Công ty cổ phần GELEX - Cambodia có trụ sở tại Phnompenh - Campuchia với tổng số vốn điều lệ đăng ký là 1.500.000 USD. Đây là Công ty chuyên kinh doanh các sản phẩm thiết bị điện của Việt Nam tại thị trường Campuchia. Hiện nay, GELEX - Cambodia đang trong giai đoạn xúc tiến thương mại, thiết lập các đối tác với kết quả ban đầu khá khả quan.

## VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty





## 2. Tóm tắt lý lịch các cá nhân trong Ban điều hành:

### 2.1. Ông Phạm Mạnh Hà - Tổng Giám đốc Công ty

- Năm sinh : 06/02/1959
- CMND : số 012505885, ngày cấp 12/04/2002, nơi cấp: CA. Hà Nội
- Quê quán : Hà Nội
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện - Đại học công nghiệp Thái Nguyên

### 2.2. Ông Đoàn Văn Quý - Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Năm sinh : 11/07/1970
- CMND : số 011537328, ngày cấp 30/05/2007, nơi cấp: CA. Hà Nội
- Quê quán : Hưng Yên
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện - Đại học Bách khoa

### 2.3. Ông Hà Tiến Lực - Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Năm sinh : 15/07/1963
- CMND : số 011783400, ngày cấp 11/12/2007, nơi cấp: CA. Hà Nội
- Quê quán : Ninh Bình
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện - Viện đại học mở Hà Nội

### 2.4. Ông Phạm Anh Dũng - Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Năm sinh : 01/09/1953
- CMND : số 011354608, ngày cấp 22/02/2006, nơi cấp: CA. Hà Nội
- Quê quán : Hải Phòng
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí - Đại học công nghiệp Thái Nguyên

### 2.5. Ông Hoàng Anh Dũng - Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Năm sinh : 11/03/1975
- CMND : số 181924435, ngày cấp 03/09/01, nơi cấp: CA. Nghệ An
- Quê quán : Nghệ An
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí - Đại học công nghiệp Thái Nguyên

### 2.6. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Giám đốc Tài chính

- Năm sinh : 20/05/1959
- CMND : số 010442707, ngày cấp 18/05/2000, nơi cấp: CA. Hà Nội
- Quê quán : Bắc Ninh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - Đại học kinh tế kế hoạch

## 3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

STT	Phân loại lao động	Số người	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Phân theo đối tượng lao động</b>		
1	Lao động gián tiếp	136	36,27
2	Lao động trực tiếp	239	63,73
<b>Tổng cộng</b>		<b>375</b>	<b>100</b>
<b>II</b>	<b>Phân theo trình độ lao động</b>		
1	Trình độ Đại học, trên Đại học	96	25,60
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	20	5,33
4	Công nhân kỹ thuật	235	62,67
5	Lao động khác (lái xe, bảo vệ)	24	6,40
<b>Tổng cộng</b>		<b>375</b>	<b>100</b>

- Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của luật lao động.
- Việc chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động năm 2011 áp dụng theo quy chế trả lương của Công ty đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua.
- Việc thanh toán lương cho người lao động đã được Công ty thực hiện đầy đủ, đúng kỳ hạn. Thu nhập bình quân người lao động trong năm 2011 là 5.270.000 đ/người/tháng.

## VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

## 1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

### Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch HĐQT	200.000	0,63
Ông Nguyễn Kiến Thiết	Ủy viên HĐQT	340.000	1,06
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Ủy viên HĐQT	2.600	0,01
Ông Phạm Mạnh Hà	Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty	32.000	0,10
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Ủy viên HĐQT - Giám đốc Tài chính	32.000	0,10

### Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Bà Dương Việt Nga	Trưởng ban	12.400	0,04
Ông Phạm Tuấn Anh	Ủy viên	21.000	0,07
Ông Tạ Đình Lân	Ủy viên	10.000	0,03

### Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2011

- Thù lao Hội đồng quản trị: 200.000.000 đồng
- Quỹ thưởng Ban điều hành: 250.000.000 đồng

Quỹ lương Tổng Giám đốc Công ty năm 2011: 360.000.000 đồng

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông nắm cổ phần chi phối: Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	01	26.072.200	81,48
2. Cổ đông pháp nhân	04	1.860.000	5,81

3. Cổ đông cá nhân	419	4.067.800	12,71
<b>Tổng cộng</b>	<b>424</b>	<b>32.000.000</b>	<b>100</b>

Trân trọng báo cáo!

*Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2012*  
**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
**(Đã ký)**

*Nơi nhận:*

- Cổ đông Công ty;
- Lưu HĐQT

**Nguyễn Hoa Cường**